TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 300/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/8/2024.
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Chúng;

2. Ông Nguyễn Thế Hùng.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 185/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 729/TB-TA ngày 04/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 418/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Quốc H, sinh năm 2002; cư trú: Tổ E, ấp T, xã K, huyện A, tỉnh An Giang – Vắng mặt có đơn.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 2005; cư trú: Tổ A, ấp S, xã K, huyện A, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo ông Trần Quốc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của ông và bà T là do cha mẹ định đoạt và có đăng ký kết hôn vào năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng đầu năm 2024 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và thường xuyên tranh cãi từ những chuyện kinh tế, tình cảm trong gia đình. Đến khoảng tháng 2/2024, bà T không đồng ý tiếp tục chung sống nên quay về nhà mẹ ruột và ly thân với ông từ đó cho đến nay. Nhiều lần ông tìm cách để hàn gắn như đến nhà nói chuyện, liên hệ điện thoại nhưng vợ và gia đình bên vợ rất cương quyết, không đồng ý hàn gắn.

Ông đã nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với bà T nhưng được cán bộ Tòa án hòa giải, động viên nên ông tự nguyện rút yêu cầu để vợ chồng có thời gian nhìn nhận lại tình cảm. Tuy nhiên, đến nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, có quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên ông xin ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Trần Ngọc Bảo T1, sinh ngày 24/01/2023, hiện nay con chung đang sống cùng bà T. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông đồng ý cho bà T được tiếp tục nuôi dạy con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ông yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do ông kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với bà T. Đồng thời, ông xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa bảo lưu ý kiến.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho bà T theo quy định nhưng bà vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông H1, bà T để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Biên bản xác minh ngày 03/7/2024 của Ban N, xã K thể hiện tại thời điểm Tòa án tiến hành làm việc, bà T không có ở nhà do đi làm

đến chiều tối mới về. Bà T hiện vẫn đang cư trú tại tổ A, ấp S, xã K, huyện A, tỉnh An Giang chưa có thông tin tách chuyển đi nơi khác.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà Trương Thị Mỹ H2 – mẹ ruột ông H cho biết việc mâu thuẫn vợ chồng của ông H và bà T đúng như lời ông H trình bày. Vợ chồng ông bà tiến đến hôn nhân dưới sự định đoạt của cha mẹ hai bên khi tuổi còn tương đối nhỏ, ông bà chưa thích nghị kịp với đời sống vợ chồng, lại có thêm con nhỏ nên càng áp lực. Bà cũng tạo điều kiện để bà T mua bán có thu nhập riêng phụ giúp gia đình vì bà là con một. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 2/2024, vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ảnh hưởng đến mối quan hệ xui gia hai bên. Gia đình bà T không đồng ý để ông bà tiếp tục chung sống, ông H đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm cho dù mâu thuẫn không xuất phát từ phía ông H. Nay ông H nộp đơn xin ly hôn, bà không có ý kiến, để vợ chòng ông bà tự quyết định.

Tại phiên tòa, ông H vắng mặt có đơn, riêng bà V đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông H chung sống với bà T đến năm 2024 thì không còn hạnh phúc nên ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà T hiện có địa chỉ cư trú tại xã K, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Ông H và bà T là do mai mối, hai bên gia đình đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 25/9/2023 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng ông H vẫn cương quyết xin được ly hôn với bà T. Tại phiên hòa giải, ông H yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay ông H vắng mặt đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa ông H và bà T chỉ khoảng tháng 01/2024 đến nay nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên đã lên tiếng nhưng ông bà vẫn không quay lại chung sống.

Nguyên nhân ly hôn ông H trình bày là do bà T không cùng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên tranh cãi, không khí gia đình rất ngột ngạt; cũng với mâu thuẫn đó mà ông đã nộp đơn xin ly hôn vào đầu năm 2024 nhưng được động viên, khi đó nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, gia đình hai bên động viên nên ông rút đơn. Lời trình bày trên phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án.

Trong quá trình tố tụng, bà T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã biết nội dung vụ án; ngoài ra, bà cũng đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia các phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bà đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà phía ông H cung cấp. Do đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét thấy việc ông H trình bày là có cơ sở nên Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa ông H và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Bảo T1, sinh ngày 24/01/2023, hiện nay con chung đang sống cùng bà T.

Xét thấy, từ trước đến nay, cháu T1 đều do bà T và gia đình nuôi dạy, chăm sóc, tình cảm mẹ - con gắn bó, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các cháu sau này. Quan trong hơn, cháu T1 chưa đủ 36 tháng tuổi nên theo khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi…", Hội đồng xét xử giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà T vắng mặt nên Tòa án không giải quyết nếu sau này bà T có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc H.

1. Về hôn nhân: Ông Trần Quốc H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Cẩm T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Bảo T1, sinh ngày 24/01/2023 cho bà Nguyễn Thị Cẩm T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Ông Trần Quốc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009470 ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. Ông H nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/8/2024) thời hạn kháng cáo của đương sự được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.